TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 02-7-2024

V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Anh Giàu

2. Ông Trịnh Ngọc Hồng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Huỳnh Sơn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Ấm – Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 171/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Cẩm T, sinh năm: 1995;
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp O, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre;

Nơi cư trú: ấp H, xã P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Trương Minh L, sinh năm: 1982;

Nơi cư trú: Số 103D2, đường Đ, Phường S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên toà, nguyên đơn bà Phạm Thị Cẩm T trình bày:

Bà Phạm Thị Cẩm T và ông Trương Minh L kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 05/11/2020, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, bà T và ông L đã ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông L nên yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: bà T và ông L có 02 con chung tên Trương Mỹ C, sinh ngày: 27/5/2022 và Trương Thùy L, sinh ngày: 13/5/2023. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà T và ông L không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông L đến để tiến hành hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông L vắng mặt và không có trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre phát ý kiến giải quyết như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật, bị đơn không tuân thủ đúng quy định của pháp luật trong việc tham gia phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Cẩm T về việc tranh chấp ly hôn với ông Trương Minh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Phạm Thị Cẩm T khởi kiện ông Trương Minh L yêu cầu ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Trương Minh L là bị đơn cư trú tại thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Ông Trương Minh L là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông L vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Trương Minh L theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Cẩm T và ông Trương Minh L kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 05/11/2020, hôn nhân tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình hôn nhân, bà T cho rằng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, bà T và ông L đã ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay. Xét thấy, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án để ông L biết yêu cầu khởi kiện của bà T, đồng thời đã nhiều lần triệu tập ông L để tham gia phiên hòa giải và phiên tòa nhưng ông L vắng mặt và không có lời trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thể hiện ông L không muốn hàn gắn, đồng thời bà T và ông L đã ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông L là có thật và cả hai không tìm cách tháo gỡ được làm cho hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Cẩm T đối với ông Trương Minh L.

[3.2] Về con chung: Bà Phạm Thị Cẩm T và ông Trương Minh L có 02 con chung tên Trương Mỹ C, sinh ngày: 27/5/2022 và Trương Thùy L, sinh ngày: 13/5/2023. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện con chung đang sinh sống chung với bà T, ông L không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con chung của bà T

và hiện các con chung dưới 36 tháng tuổi nên việc giao con chung cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận bà Phạm Thị Cẩm T không yêu cầu ông Trương Minh L cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Cẩm T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Phạm Thị Cẩm T phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Cẩm T đối với bị đơn ông Trương Minh L về việc tranh chấp ly hôn, cụ thể tuyên:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Cẩm T được ly hôn với ông Trương Minh L.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Trương Mỹ C, sinh ngày: 27/5/2022 và Trương Thùy L, sinh ngày: 13/5/2023 cho bà Phạm Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận bà Phạm Thị Cẩm T không yêu cầu ông Trương Minh L cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trương Minh L được quyền đến thăm chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Cẩm T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Phạm Thị Cẩm T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Phạm Thị Cẩm T phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001146 ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Bà Phạm Thị Cẩm T đã thực hiện nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị Cẩm T có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Trương Minh L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Hoàng Út